CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***449 781***	***147 130***	***307 716***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**112 631**	**5 065**	**112 631**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***6 712***	***5 065***	***6 712***			
1		VĨNH THẮNG	29/06	1039/06		BN 1829	CỤC 5A.1	1 400	1 367	1 400	30/06		
2		COALIMEX	30/06	1045/06		QN 7237	CÁM 5A.1	5 312	3 698	5 312	DỞ	PTCB	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***105 919***		***105 919***			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỐ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỐ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XỐ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
15		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000			
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỐ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỐ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	27/06	991/06	30/06	BN 1835	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
28		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
29		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 850		28 850			
30		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/06	1044/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 250		29 250			
	Tàu chuyển tải							**208 350**	**109 490**	**98 860**			
	Tàu đang làm hàng							***162 250***	***109 490***	***52 760***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 390	410	DỞ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.10	23 000	14 286	8 714	DỞ		
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1				SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 600	35 758	7 842	DỞ		TTCO: 10.098,16 - KVCP:8,285 - CLM:8.715 -
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600	18 432	11 168	DỞ		TTCO: 18.431,89- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
6		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	9 180	13 570	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:17.750
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***46 100***		***46 100***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 800		22 800			CLM:11.000 - KDT CP:11.800
2		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300			KVDB:5.000 - CLM:18.300
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**37 908**	**5 320**	**32 588**			
	Tàu đã làm hàng							***5 370***	***5 320***	***50***			
1		CP ĐTTM&DV	25/6	1435/5	30/6	BN - 1959	CỤC 1B	1 200	1 193	7	30/6	TD	
2		CẦU ĐUỐNG	28/6	1 201	30/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000	989	11	30/6	TD	
3		MIỀN BẮC	30/6	1 266	30/6	BN - 2556	CÁM 7C	1 690	1 672	18	30/6	PT CB	
4		CP VT&KD THAN	30/6	1 268	30/6	BN - 2203	CÁM 8A	1 480	1 466	14	30/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***32 538***		***32 538***			
1		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
2		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	
3		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	
5		COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CỤC 1B	900		900		TD	
8		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
9		HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CÁM 7B	1 645		1 645		PT CB	
10		SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030		TD	
11		CP ĐTTM&DV	23/6	974	30/6	QN - 8785	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
12		CP VT THUỶ	27/6	1 152	30/6	BN - 1079	CỤC 1C	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13		CẦU ĐUỐNG	27/6	1 157	30/6	BN - 1386	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		CROMIT THANH HOÁ	27/6	1 158	30/6	HD - 1818	CỤC 1B	1 981		1 981		TD	
15		CP ĐTTM&DV	27/6	1 177	30/6	BN - 0869	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	
16		CP VT THUỶ	28/6	1 208	30/6	BN - 0936	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
17		MIỀN BẮC	29/6	1 227	30/6	NB - 8611	CÁM 7C	1 729		1 729		PT CB	
18		CẦU ĐUỐNG	29/6	1 231	30/6	HD - 2558	CÁM 8A	2 080		2 080		TD	
19		CP HÀNG HẢI VN	30/6	1 257	30/6	BN - 2635	CỤC 1B	900		900		TD	
20		CP HÀNG HẢI VN	30/6	1258B	30/6	BN - 1548	CỤC 1B	900		900		TD	
21		NGHỆ TĨNH	30/6	1 269	30/6	NAM ANH 279	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
22		HẢI PHÒNG	30/6	1 277	30/6	BN - 2006	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
23		COALIMEX	30/6	1 279	30/6	BN - 2658	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
24		CP HÀNG HẢI VN	30/6	1 301	30/6	BN - 0646	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
25		XD CN MỎ	30/6	1 302	30/6	HD - 6818	CÁM 8A	1 450		1 450		TD	
26		CP ĐTTM&DV	30/6	1 303	30/6	BN - 1718	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**5 350**	**-**	**5 350**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***5 350***		***5 350***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/06	1020/6	30/06	TĐ 01 CHN	CÁM 5B.14	2 380		2 380			
2		CP DVVT QUẢN NINH	24/06	1536-B	30/06	BN 2225	CÁM 8C	1 070		1 070			GIA HẠN L1
3		COALIMEX	27/06	1409		BN 2397	CÁM 8A	1 000		1 000	TD		GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/06	1262		BN 1839	CỤC XỐ 1B	900		900	TD		
IV	**KHO CẢNG KM6**							**20 542**	**9 320**	**11 222**			
	Tàu đã làm hàng							***9 630***	***9 320***	***310***			
1		KDT NINH BÌNH	27/6	1 175	30/6	NĐ 3709	Cám 5b.1	2 100	2 097	3	30/6	CBPT	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (SUN GOLD)	29/6	38	08/7	SƠN HẢI 08	Cám 6a.1	3 420	3 127	293	30/6		
3		HÀNG HẢI VN	30/6	1 230	30/6	BN 1879	Cục 1b	1 060	1 052	8	30/6	TD	
4		XNK THAN VINACOMIN	30/6	1 259	30/6	GIA THÀNH 68	Cám 6a.1	3 050	3 044	6	30/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***10 912***		***10 912***			
1		CROMIT THANH HÓA	30/6	1 240	30/6	CHÍ THÀNH 68	Cám 5a.1	2 612		2 612			
2		KDT MIỀN BẮC	30/6	1 304	30/6	TRƯỜNG SA 126	Cám 5b.1	5 300		5 300			
3		KDT MIỀN BẮC	30/6	1 305	30/6	THỊNH HẢI 02	Cám 5b.1	3 000		3 000			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**65 000**	**17 934**	**47 066**			
	Tàu đã làm hàng							***65 000***	***17 934***	***47 066***			
1		MOZAMBIQUE	19/06	CLM		MV YUNTONG		15 000	14 834	166	30/06		
2		ÚC	25/06	CLM		MV MARINNE STOEGER		20 000	2 800	17 200	DỞ		
3		NAM PHI	11/6	CLM		MV GUO YUAN 22		10 000		10 000	DỞ		
4		NAM PHI	19/06	CLM		ONE ENERGY		20 000	300	19 700	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												